

Bản án số: **07/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 17/7/2017
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Trường Giang**

Các Hội thẩm nhân dân

1- Ông **Phạm Huy Diệu** – Bí thư chi bộ khu 4 thị trấn Ninh Giang

2- Ông **Đinh Văn Châu** - Phó chủ tịch HĐND xã Đồng Tâm

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hải Loan** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân - gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị T** – SN 1989

Bị đơn: Anh **Bùi Văn S** – SN 1986

Đều cư trú tại: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, chị **Trịnh Thị T** trình bày như sau: Chị **Trịnh Thị T** và anh **Bùi Văn S** kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 22/12/2011. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai bên không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng cũng như trong công việc làm ăn. Mặt khác, anh S có cách cư xử coi thường chị T, tự ý quyết định mọi việc mà không hỏi ý kiến chị T. Ngoài ra, anh S còn quan hệ nam, nữ không lành mạnh với người khác. Mặc dù chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S vẫn không chịu thay đổi lối sống buông thả. Đặc biệt, trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, anh S đã quan hệ nam nữ với một người phụ nữ khác. Bản thân chị T đã phải sang

Nhật Bản để khuyên can anh S nhưng không được. Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nên từ khi về nước vào thời điểm tháng 10/2016 đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hai bên sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai mà cũng không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Xét thấy, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên chị T làm đơn xin ly hôn anh S.

- Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, anh Bùi Văn S trình bày như sau: Về điều kiện kết hôn, anh S thừa nhận chị T trình bày là đúng sự thật. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt gia đình cũng như trong công việc làm ăn. Đôi khi chỉ vì những nguyên nhân nhỏ nhặt nhưng cũng dẫn đến cãi vã. Ngoài ra, chị T thường xuyên đòi hỏi phải được nắm quyền quyết định kinh tế trong gia đình, khi anh S không đồng ý thì chị T dần dần kiêu căng gây mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng. Mặt khác, chị T không muốn anh S có quan hệ với anh, em bạn bè, bắt anh S phải từ bỏ mọi người. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng càng thêm mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Đặc biệt, chị T cho rằng anh S thường xuyên quan hệ nam nữ không lành mạnh với người phụ nữ khác dẫn đến tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, hai bên sống ly thân nhau đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai mà không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Quan điểm của anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người quay về đoàn tụ với nhau.

- Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S đều xác định trong thời gian chung sống với nhau có một con chung là Bùi Tường V – SN 05/01/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác và công sức: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S đều không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác và công sức, chị T không đề nghị giải quyết.

Anh Bùi Văn S đã được triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến, xác định trong quá trình giải quyết vụ kiện Thẩm phán đã tuân theo quy định pháp luật về việc nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng cũng như thời hạn giải quyết vụ án; Tại phiên tòa, HĐXX đã đảm bảo đúng các nguyên tắc và thủ tục tố tụng tại phiên tòa; Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về căn cứ pháp luật và đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKSND huyện Ninh Giang đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 71, Điều 72, Khoản 1 Điều

56, Điều 81, khoản 1 – khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS và Nghị quyết của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S ly hôn; Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Tường V cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi tổng đạt hợp lệ cho anh S Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự để anh S biết và có mặt nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bản thân mình vào ngày xét xử vụ kiện. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/6/2017, anh S vắng mặt không có lý do. HĐXX đã ra Quyết định hoãn phiên toà, đồng thời tiếp tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên toà) để đưa vụ án ra xét xử lần 2 vào ngày 17/7/2017. Tại phiên toà hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Mặt khác, anh S có quan hệ nam nữ không lành mạnh với người khác. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S vẫn không chịu thay đổi tính cách. Từ đó, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Quan điểm của UBND xã K, Chi hội phụ nữ và chính quyền thôn C, xã K đều xác định: Chị T – anh S mâu thuẫn nhau đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Bản thân anh S có quan hệ nam nữ không lành mạnh với người khác. Quan điểm của chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh S.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị T ly hôn anh S là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S đều xác định trong thời gian chung sống với nhau có một con chung là Bùi Tường V – SN 05/01/2013. Xét thấy, con chung còn nhỏ đang ở với chị T. Mặt khác, chị T có

nguyện vọng muốn nuôi con chung. HĐXX thấy rằng, cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Do chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S đều không đề nghị giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị T làm đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 – khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS và Nghị quyết của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Trịnh Thị T và anh Bùi Văn S ly hôn.

2- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Tường V – SN 05/01/2013 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị T không yêu cầu anh Bùi Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bùi Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AB/2014/0000335 ngày 14/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Trường Giang

Nơi nhận:

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Trường Giang

